

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán tổng hợp	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp	10 - 37

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng tiền thân là Doanh nghiệp Nhà Nước được thành lập theo Quyết định số 2410/QĐ-BXD ngày 30/12/2005 và số 1219/QĐ-BXD ngày 25/08/2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng trên cơ sở tổ chức lại Tổng Công ty Xây dựng Sông Hồng theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 110561 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Phú Thọ cấp và chính thức chuyển đổi thành Tổng Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty Cổ phần số 2600104283 đăng ký lần đầu ngày 02/06/2010, thay đổi lần 4 ngày 03/08/2016 theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số doanh nghiệp là 2600104283.

Tên Tổng Công ty bằng tiếng Anh là : SONG HONG CORPORATION.

Tên viết tắt là : SHG

Vốn điều lệ của Tổng Công ty là : 270.000.000.000 VND (Hai trăm bảy mươi tỷ đồng).

Trụ sở chính của Tổng Công ty: Số 70, phố An Dương, phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị	Ông Trần Huyền Linh	Chủ tịch Hội đồng quản trị
	Ông Lê Xuân Thi	Phó Chủ tịch
	Ông Phạm Văn Nghĩa	Thành viên
	Ông Lã Tuấn Hưng	Thành viên
	Ông Phan Việt Anh	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và tại ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Ban Tổng Giám đốc	Ông Lã Tuấn Hưng	Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Đức Toàn	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Phan Việt Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ban Kiểm soát	Ông Trần Anh Tài	Trưởng ban kiểm soát
	Ông Cao Tiến Trung	Thành viên
Kế toán trưởng	Bà Nguyễn Thị Nhung	

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Global Network.

Chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ thư xác nhận các khoản nợ phải trả là 129,44 tỷ đồng của Tổng Công ty tại thời điểm 31/12/2019. Chúng tôi cũng đã thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế nhưng vẫn không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp về tính đầy đủ, hiện hữu, đúng đắn của các khoản công nợ phải trả này tại thời điểm 31/12/2019. Do đó, chúng tôi cũng không thể đưa ra ý kiến về tính đầy đủ, hiện hữu, đúng đắn của các khoản công nợ phải trả này cũng như ảnh hưởng của vấn đề này đối với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Tổng Công ty.

Theo Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm số 45/2018/KDTM-PT ngày 12/04/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội và Quyết định số 01/QĐ-CCTHADS ngày 13/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội v/v: Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi quá hạn (của số tiền nợ gốc 95,43 tỷ đồng) chưa thanh toán cho Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng (VAMC) kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (19/06/2017). Tuy nhiên, Tổng Công ty chưa hạch toán số lãi quá hạn kể từ ngày 19/06/2017 đến 31/12/2019. Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán cần thiết nhưng vẫn không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng về ảnh hưởng vấn đề này đến Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Tổng Công ty.

Ban điều hành dự án DH 1.6 đã có thông báo ngừng hoạt động của Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Bình từ ngày 20/10/2015, Tổng Công ty chưa thu thập được Báo cáo tài chính tổng hợp của Ban DH 1.6 tại thời điểm 31/12/2019, hiện tại số liệu lấy theo Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2015 của Ban điều hành với giá trị Tổng tài sản là 771,8 triệu đồng và giá trị Nợ phải trả là 771,8 triệu đồng. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng hợp lý về ảnh hưởng của vấn đề này đối với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng.

Tổng Công ty đã cho bà Lê Thị Minh Nguyệt và Công ty Cổ phần Địa ốc Sông Hồng thuê phần diện tích tạm tính của khu văn phòng và khu dịch vụ thuộc dự án Nhà ở cao tầng I1, I2, I3 và văn phòng cho thuê Thành Công 2. Tổng Công ty đã hạch toán tăng bất động sản đầu tư với giá trị 56,2 tỷ đồng, hạch toán toàn bộ doanh thu dự án với giá trị là 78,9 tỷ đồng và trích trước giá vốn dự án với giá trị là 56,2 tỷ đồng khi thủ tục quyết toán dự án chưa hoàn thành. Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán cần thiết nhưng vẫn không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng về ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Tổng Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của văn phòng Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc các vấn đề sau:

Như đã trình bày tại Thuyết minh 6.4: Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 02/2019/KDTM-ST và số 03/2019/KDTM-ST ngày 19/3/2019 về việc Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm vụ án kinh doanh thương mại về việc tranh chấp văn bản bảo lãnh giữa Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam chi nhánh Hoàn Kiếm và Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng. Tòa án Nhân dân quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội kết luận Tổng Công ty Sông Hồng không có nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty TNHH MTV Cơ giới và Xây dựng Sông Hồng và Công ty TNHH MTV Sông Hồng An Dương với tổng số tiền là 85,5 tỷ đồng (nợ gốc 67,58 tỷ đồng; nợ lãi quá hạn tạm tính là 17,919 tỷ đồng). Đến thời điểm phát hành báo cáo này, chúng tôi chưa thu thập được các hồ sơ liên quan đến việc Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam chi nhánh Hoàn Kiếm thực hiện kháng cáo các bản án trên.

Số. 454/2020/BCKT-BCTCTH/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬPVề Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019
của Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng được lập ngày 16 tháng 04 năm 2020, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Báo cáo này được thay thế cho Báo cáo kiểm toán số 337/2020/BĐKT-BCTC/CPA VIETNAM ngày 26/03/2020, do Tổng Công ty lập lại Báo cáo tài chính tổng hợp ngày 16/04/2020 để đính chính lại một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính tổng hợp

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ thư xác nhận các khoản nợ phải thu với giá trị là 39,8 tỷ đồng của Tổng Công ty tại thời điểm 31/12/2019. Chúng tôi cũng đã thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế nhưng vẫn không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng hợp lý về tính hiện hữu, đúng đắn, đầy đủ và khả năng thu hồi của các khoản nợ phải thu này tại thời điểm 31/12/2019. Do đó, chúng tôi cũng không thể đưa ra ý kiến về tính hiện hữu, đầy đủ, đúng đắn và khả năng thu hồi của các khoản nợ phải thu này tại thời điểm 31/12/2019 cũng như ảnh hưởng của các vấn đề này đối với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Tổng Công ty.

Như đã thuyết minh tại mục 6.5- Thông tin về hoạt động liên tục, tại ngày 31/12/2019, Lỗ lũy kế của Tổng Công ty là 973,1 tỷ đồng, âm vốn chủ sở hữu là 645,64 tỷ đồng. Nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn 612,14 tỷ đồng, lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh âm 3,69 tỷ đồng. Nợ xấu tín dụng nên Tổng Công ty không đủ điều kiện về năng lực để tham gia các gói thầu nhằm tạo việc làm và nguồn tài chính cho Công ty mẹ và các Công ty thành viên. Doanh thu và sản lượng chủ yếu của các công trình chuyển tiếp dở dang từ các năm trước chuyển sang có hiệu quả thấp, lãi vay lớn. Công ty mẹ và tổ hợp các Công ty thành viên vẫn tiếp tục mất khả năng thanh toán nghiêm trọng do nợ phải trả tiếp tục tăng từ phát sinh lãi vay phải trả cho công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng I, nợ phải trả liên quan đến các Nghĩa vụ bảo lãnh cho các Công ty con. Những điều kiện trên cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá Tổng Công ty sẽ tiếp tục duy trì hoạt động trong ít nhất 12 tháng tới bằng việc thu hồi các khoản công nợ, kinh doanh cho thuê mặt bằng và sự hỗ trợ nguồn vốn từ các cổ đông. Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty vẫn được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.15 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp, trong khoản mục Chi phí phải trả tại ngày 31/12/2019 của Tổng Công ty có khoản chi phí trích trước giá vốn các công trình theo tỷ lệ giao thầu của Hợp đồng thầu phụ. Theo đánh giá của Tổng Công ty, chi phí trích trước này sẽ được quyết toán khi Tổng Công ty thực hiện quyết toán các công trình với các bên thầu phụ.

Như đã trình bày tại đoạn (i) Thuyết minh số 6.2 Thông tin khác, phần Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp: Dự án Xây dựng nhà ở cao tầng I1, I2, I3 và văn phòng cho thuê Thành Công 2 - Thái Hà được thực hiện theo hợp đồng kinh tế số 07/HĐKT-2008 ngày 03/04/2008 giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Sông Hồng đã hoàn thành, đưa vào sử dụng và chưa được quyết toán với bên hợp tác đầu tư. Tính đến thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Tổng Công ty đang ghi nhận khoản lợi nhuận tạm tính thu được từ dự án là 103,92 tỷ đồng trên chi tiêu Phải thu dài hạn khác. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng khoản lợi nhuận ước tính trên là tương đối chính xác và chắc chắn thu được, theo đó các khoản điều chỉnh liên quan đến Dự án này sẽ chỉ được thực hiện khi có quyết toán cuối cùng với bên hợp tác đầu tư.

Như đã trình bày tại đoạn (iii) Thuyết minh số 6.2 Thông tin khác, phần Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp: Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng đã ký hợp đồng xây dựng công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng I với Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam theo Hợp đồng số 280909/LILAMA-SHC ngày 28/09/2009. Do có thay đổi về thiết kế và đơn giá, Tổng Công ty và tổng thầu là Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam đang làm việc để đổi chiều khối lượng phát sinh mà Tổng Công ty đã thực hiện. Đồng thời, các khoản chi phí lãi vay phải thu lại từ các nhà thầu phụ liên quan cũng sẽ được điều chỉnh khi Tổng Công ty thống nhất được với các nhà thầu phụ.



Nguyễn Thị Mai Hoa

Giám đốc kiểm toán

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 12/2020/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2020 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Global Network.

Hà Nội, ngày 16 tháng 04 năm 2020

Vũ Xuân Hùng

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4015-2018-137-1

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Mẫu B 01 - DN/TH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		505.208.685.697	586.467.102.798
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	7.894.434.245	7.169.246.596
1. Tiền	111		7.894.434.245	7.169.246.596
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		289.859.431.540	356.277.700.108
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	158.896.710.496	223.697.115.391
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	278.160.689.048	282.385.156.369
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	160.087.255.587	160.669.087.624
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(307.285.223.591)	(310.473.659.276)
IV. Hàng tồn kho	140	5.6	195.810.678.514	210.326.258.107
1. Hàng tồn kho	141		195.810.678.514	210.326.258.107
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		11.644.141.398	12.693.897.987
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		11.644.141.398	10.214.847.847
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.7	-	2.479.050.140
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		463.925.451.102	477.316.269.083
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		296.121.326.978	298.274.505.075
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	296.121.326.978	298.274.505.075
II. Tài sản cố định	220	5.11	3.392.501.754	7.108.239.715
1. Tài sản cố định hữu hình	221		3.392.501.754	7.108.239.715
- Nguyên giá	222		55.663.107.160	57.417.504.112
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(52.270.605.406)	(50.309.264.397)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.8	56.257.899.457	56.257.899.457
1. Nguyên giá	231		56.257.899.457	56.257.899.457
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		36.241.946.223	35.870.263.375
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.9	36.241.946.223	35.870.263.375
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.12	62.820.025.799	66.320.025.799
1. Đầu tư vào công ty con	251		84.030.709.344	84.030.709.344
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		191.916.364.580	191.916.364.580
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		8.028.713.942	10.528.713.942
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(221.155.762.067)	(220.155.762.067)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		9.091.750.891	13.485.335.662
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	9.091.750.891	13.485.335.662
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		969.134.136.799	1.063.783.371.881

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Mẫu B 01 - DN/TH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		1.614.779.160.019	1.644.334.914.077
I. Nợ ngắn hạn	310		1.117.358.528.710	1.144.904.282.768
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	204.790.445.260	276.068.587.987
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	32.091.660.530	46.199.514.985
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.7	2.804.024.389	822.785.797
4. Phải trả người lao động	314		2.936.621.312	2.328.832.223
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	628.959.907.163	573.995.204.332
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	50.290.242.453	50.059.729.841
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18	195.275.563.313	195.219.563.313
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		210.064.290	210.064.290
II. Nợ dài hạn	330		497.420.631.309	499.430.631.309
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.16	258.445.643.308	260.455.643.308
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342	5.17	238.974.988.001	238.974.988.001
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(645.645.023.220)	(580.551.542.196)
(400 = 410+430)				
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.19	(645.645.023.220)	(580.551.542.196)
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		270.000.000.000	270.000.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>270.000.000.000</i>	<i>270.000.000.000</i>
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		24.126.376.429	24.126.376.429
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		1.072.018.933	1.072.018.933
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		26.293.456.226	26.293.456.226
5. Quỹ hỗ trợ, sắp xếp doanh nghiệp	419		25.981.000	25.981.000
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		5.941.310.206	5.941.310.206
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(973.104.166.014)	(908.010.684.990)
- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>		<i>(907.097.453.966)</i>	<i>(531.690.668.681)</i>
- <i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>(66.006.712.048)</i>	<i>(376.320.016.309)</i>
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		969.134.136.799	1.063.783.371.881
(440 = 300+400)				

Hà Nội, ngày 16 tháng 04 năm 2020

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Khánh Hậu

Nguyễn Thị Nhung

Lã Tuấn Hưng

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Mẫu B 02 - DN/TH

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.20	29.949.199.427	145.093.104.596
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		29.949.199.427	145.093.104.596
4. Giá vốn hàng bán	11	5.21	27.583.056.973	116.885.463.940
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		2.366.142.454	28.207.640.656
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.22	1.606.303.512	33.681.064.937
7. Chi phí tài chính	22	5.23	56.389.048.356	132.251.125.135
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		55.364.048.356	132.251.125.135
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.24	11.197.758.213	312.861.331.735
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		(63.614.360.603)	(383.223.751.277)
11. Thu nhập khác	31		2.940.105.621	34.822.355.123
12. Chi phí khác	32		4.213.328.441	27.918.620.155
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.25	(1.273.222.820)	6.903.734.968
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		(64.887.583.423)	(376.320.016.309)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		(64.887.583.423)	(376.320.016.309)

Hà Nội, ngày 16 tháng 04 năm 2020

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc






Nguyễn Khánh Hậu

Nguyễn Thị Nhung

Lê Tuấn Hưng

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Mẫu B 03 – DN/TH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP*(theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2019	Năm 2018
		VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(64.887.583.423)	(376.320.016.309)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	3.662.810.631	4.842.076.881
- Các khoản dự phòng	03	(2.188.435.685)	339.055.484.265
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2.235.418.000)	(34.688.313.630)
- Chi phí lãi vay	06	55.364.048.356	85.944.006.396
- Các khoản điều chỉnh khác	07	(205.897.601)	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(10.490.475.722)	18.833.237.603
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	72.809.638.939	(7.468.574.645)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	14.515.579.593	(1.365.127.501)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(84.919.802.414)	(70.572.906.380)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	4.393.584.771	4.326.791.279
- Tiền lãi vay đã trả	14	-	(2.092.169.392)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(3.691.474.833)	(58.338.749.036)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(391.241.030)	(100.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	701.600.000	25.260.481.818
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(67.655.818)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	2.500.000.000	5.114.913.673
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.606.303.512	111.108.197
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	4.416.662.482	30.318.847.870
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	65.219.780.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(50.812.609.976)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	14.407.170.024
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	725.187.649	(13.612.731.142)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	7.169.246.596	20.781.977.738
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60)	70	7.894.434.245	7.169.246.596

Hà Nội, ngày 16 tháng 04 năm 2020

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Khánh Hậu

Nguyễn Thị Nhung



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09 - DN/TH

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng tiền thân là Doanh nghiệp Nhà Nước được thành lập theo Quyết định số 2410/QĐ-BXD ngày 30/12/2005 và số 1219/QĐ-BXD ngày 25/08/2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng trên cơ sở tổ chức lại Tổng Công ty Xây dựng Sông Hồng theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 110561 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Phú Thọ cấp và chính thức chuyển đổi thành Tổng Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty Cổ phần số 2600104283 đăng ký lần đầu ngày 02/06/2010, thay đổi lần 4 ngày 03/08/2016 theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số doanh nghiệp là 2600104283.

Tên Tổng Công ty bằng tiếng Anh là: SONG HONG CORPORATION.

Tên viết tắt là: SHG

Vốn điều lệ của Tổng Công ty là 270.000.000.000 VND (Hai trăm bảy mươi tỷ đồng).

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Số 70, phố An Dương, phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật.

Hoạt động chính của Tổng Công ty trong năm: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.

1.3. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tổng Công ty có các Công ty con, Công ty liên kết và đơn vị trực thuộc như sau:

Tên công ty, đơn vị	% sở hữu theo cam kết	% sở hữu thực tế
Đầu tư vào Công ty con		
Công ty TNHH MTV Sông Hồng An Dương	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV Cơ giới và Xây dựng Sông Hồng	100,00%	100,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư Reenco Sông Hồng	55,00%	66,31%
Công ty CP XD dân dụng và Hạ tầng Sông Hồng	55,00%	66,31%
Công ty Cổ phần Sông Hồng Đà Nẵng	65,00%	65,00%
Công ty Cổ phần Sông Hồng Thăng Long	55,73%	55,73%
Công ty CP Tư vấn và Xây dựng Đô thị Sông Hồng	51,00%	57,08%
Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết		
Công ty Cổ phần Thép Sông Hồng	32,90%	32,90%
Công ty Cổ phần Năng lượng Sông Hồng	48,91%	48,91%
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 1 Sông Hồng	43,25%	43,25%
Công ty Cổ phần Sông Hồng 36	48,75%	48,75%
Công ty Cổ phần Sông Hồng Miền Trung	35,50%	35,50%
Công ty Cổ phần Đầu tư TM và Xây dựng CT Giao thông Hà Nội	22,51%	20%
Công ty CP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Sông Hồng	21%	21%
Công ty Cổ phần Sông Hồng Sài Gòn	37,98%	25,11%
Công ty Cổ phần Sông Hồng 8 (Metroco Sông Hồng)	20,00%	20,00%

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/TH

1.3 Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)

Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết (Tiếp theo)

Công ty Cổ phần Đầu tư và KD Bất động sản Hà Nội Sông Hồng	22,51%	7,33%
Công ty Cổ phần Sông Hồng Bình Tây	62,81%	62,81%
Công ty Cổ phần Sông Hồng Tây Đô	45,45%	45,45%
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Sông Hồng	21,00%	21,00%

Các đơn vị trực thuộc:

Địa chỉ

Văn phòng Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng	Số 70 An Dương, phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội
Ban điều hành Dự án Xây dựng gói thầu DH 1.6	Tiểu khu 11, phường Nam Lý, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình
Ban điều hành thi công gói thầu số 3 - Dự án thoát nước Hà Nội	Số 5/158 Hoàng Văn Thái, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Ban điều hành Dự án Xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1	Thôn Hải Phong, xã Kỳ Lợi, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC về sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Hình thức kế toán áp dụng

Tổng Công ty sử dụng hình thức kế toán: Chứng từ ghi sổ và ghi sổ bằng máy vi tính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Nguyên tắc ghi nhận Tiền và Các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Các khoản tương đương tiền: là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào công ty con: Các khoản đầu tư vào các công ty con mà công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất đầu tư vào Công ty con, liên doanh, liên kết: Là khoản dự phòng tổn thất do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư (công ty con, liên doanh, liên kết) bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư khác: việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư.

Khoản lỗ của doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư làm căn cứ để trích lập dự phòng là Báo cáo tài chính hợp nhất, nếu doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư là công ty Mẹ. Nếu doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư là doanh nghiệp độc lập không có công ty con, căn cứ để trích lập dự phòng là Báo cáo tài chính của doanh nghiệp được đầu tư đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU B 09 - DN/TH

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Tổng Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán).
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc có dấu hiệu khó đòi do khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tổng Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013, Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC, Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/4/2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

a. Nguyên tắc kế toán**Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10-15
Máy móc và thiết bị	03-08
Phương tiện vận tải	06-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-08

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là giá trị diện tích kinh doanh tầng 1, tầng M, diện tích văn phòng, diện tích tầng hầm tại dự án Nhà ở cao tầng I1, I2, I3 và văn phòng cho thuê Thành Công 2. Hiện tại, Tổng Công ty đã cho thuê đến hết thời hạn sử dụng đất tại dự án và đã ghi nhận doanh thu, giá vốn từ các giao dịch này khi thủ tục quyết toán dự án chưa hoàn thành.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm toàn bộ các chi phí (tiền và tương đương tiền) mà Tổng Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính tới thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành Bất động sản đầu tư đó.

Các chi phí liên quan đến Bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho Bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá Bất động sản đầu tư.

Tổng Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư trên

Thanh lý: Lãi và lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê (đối với chi phí thuê nhà, thuê đất, thuê hoạt động,...), theo thời gian sử dụng hữu ích nhưng không quá 03 năm (với công cụ dụng cụ xuất dùng).

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Tổng Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Tổng Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty được chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Đại Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Tổng Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty.

Các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên Điều lệ của Tổng Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Tổng Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong năm (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:

- Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
- Lỗ đầu tư chứng khoán: Được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh.

- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Tiếp theo)

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền. Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các Công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Tổng Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Tổng Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Tổng Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Tổng Công ty chỉ có một bộ phận kinh doanh và một bộ phận địa lý là Việt Nam nên không lập Báo cáo bộ phận.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/TH

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	567.193.661	164.562.502
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.327.240.584	7.004.684.094
Tổng	7.894.434.245	7.169.246.596

5.2 Phải thu khách hàng

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	158.896.710.496	223.697.115.391
Tập đoàn dệt may Việt Nam	7.072.391.072	14.465.467.853
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Tiến Thành	-	13.911.000.000
Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam	-	11.502.373.219
Công ty Cổ phần Bất động sản Đông Đô - Bộ Quốc Phòng	8.960.508.339	11.307.844.390
Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Ninh	-	11.151.988.000
Các đối tượng khác	142.863.811.085	161.358.441.929
Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 6.1)		
Tổng	158.896.710.496	223.697.115.391

5.3 Trả trước người bán

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Trả trước người bán ngắn hạn	278.160.689.048	282.385.156.369
Công ty CP Sông Hồng Sài Gòn	126.390.086.131	126.390.086.131
Công ty Cổ phần Xây dựng Sông Hồng 24 (SH Đà Nẵng)	43.574.509.655	43.574.509.655
Đối tượng khác	108.196.093.262	112.420.560.583
Trong đó: Trả trước người bán là các bên liên quan (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 6.1)		
Tổng	278.160.689.048	282.385.156.369

TÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/TH

5.4 Phải thu khác

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	160.087.255.587	(127.083.697.935)	160.669.087.624	(129.238.526.304)
Tạm ứng	17.336.775.268	(7.984.792.471)	17.741.407.612	(9.053.459.964)
Ký cược, ký quỹ	205.000.000	-	205.000.000	-
Phải thu về cổ phần hóa	5.115.072.141	(3.682.505.370)	5.115.072.141	(3.682.505.370)
Phải thu khác:				
<i>Công trình Đình Chính</i>				
<i>Chợ Vinh</i>	14.811.093.515	(14.811.093.515)	14.811.093.515	(14.811.093.515)
<i>Công ty Cổ phần Sông</i>				
<i>Hồng 6</i>	35.470.547.873	(35.470.547.876)	35.470.547.873	(35.470.547.876)
<i>Công ty Cổ phần Sông</i>				
<i>Hồng 36</i>	24.180.283.813	(24.180.283.813)	24.180.283.813	(24.180.283.813)
<i>Các đối tượng khác</i>	62.968.482.977	(40.954.474.890)	63.145.682.670	(42.040.635.766)
b) Dài hạn	296.121.326.978	-	298.274.505.075	-
Ký cược, ký quỹ	5.310.000.000	-	7.919.178.097	-
Ban Quản lý Dự án Thái Hà	284.991.326.978	-	284.535.326.978	-
Phải thu khác dài hạn	5.820.000.000	-	5.820.000.000	-
Tổng	456.208.582.565	(127.083.697.935)	458.943.592.699	(129.238.526.304)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU B 09 - DN/TH

5.5 Nợ xấu

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	317.572.846.583	10.287.622.992	339.808.102.197	29.334.442.921

Công ty xác định có thể thu hồi các khoản nợ xấu bằng giá gốc của các khoản phải thu trừ dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi của các đối tượng này

Trong đó:	Quá hạn trên 01 năm	Quá hạn trên 02 năm	Quá hạn trên 03 năm
	VND	VND	VND
Phải thu Tạm ứng			8.834.308.036
Phải thu ngắn hạn khách hàng			69.710.118.626
Trả trước cho người bán ngắn hạn			119.320.077.455
Phải thu khác			119.708.342.466
Tổng	-	-	317.572.846.583

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	171.473.608.244	-	171.546.258.107	-
Hàng hoá (i)	24.337.070.270	-	38.780.000.000	-
Tổng	195.810.678.514	-	210.326.258.107	-

(i) Lô đất tại khu biệt thự Tây Hồ đã được chuyển nhượng và khoản tiền nhận được từ việc bán lô đất này được ghi nhận trên khoản mục "Người mua trả tiền trước" của Báo cáo tài chính tổng hợp với số tiền 24.655.500.000 đồng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU B 09 - DN/TH

5.7 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	01/01/2019	Số phải thu trong năm	Số đã thu trong năm	31/12/2019
	VND	VND	VND	VND
Phải thu	2.479.050.140	-	2.479.050.140	-
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	2.479.050.140	-	2.479.050.140	-
		Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2019
	01/01/2019	VND	VND	VND
	VND			
Phải nộp	822.785.797	2.263.399.875	282.161.283	2.804.024.389
Thuế giá trị gia tăng	310.983.135	2.000.927.448	-	2.311.910.583
Thuế thu nhập cá nhân	138.384.682	159.691.330	177.380.186	120.695.826
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	96.153.255	96.153.255	-
Các loại thuế khác	373.417.980	3.000.000	5.000.000	371.417.980
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	3.627.842	3.627.842	-

5.8 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là giá trị diện tích kinh doanh tầng 1, tầng M, diện tích văn phòng, diện tích tầng hầm tại dự án Nhà ở cao tầng I1, I2, I3 và văn phòng cho thuê Thành Công 2. Hiện tại, Tổng Công ty đã cho thuê đến hết thời hạn sử dụng đất tại dự án và đã ghi nhận doanh thu, giá vốn từ các giao dịch này khi thủ tục quyết toán dự án chưa hoàn thành.

5.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Khách sạn Royal Sông Hồng (ii)	35.602.635.193	35.602.635.193
Dự án Lĩnh Nam	502.947.394	267.628.182
Dự án khác	136.363.636	-
Tổng	36.241.946.223	35.870.263.375

(ii): Dự án Khách sạn Royal Sông Hồng được thực hiện theo Quyết định số 108/QĐ-HĐQT-TCT ngày 03/04/2008 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng với tổng mức vốn đầu tư là 36,7 tỷ đồng. Công văn số 2240/BXD-KHTC ngày 20/09/2017 của Bộ Xây dựng chấp thuận chủ trương cho phép Tổng Công ty tìm kiếm đối tác để chuyển nhượng dự án.

5.10 Chi phí trả trước

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Dài hạn	9.091.750.891	13.485.335.662
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	131.139.014	244.289.390
Giá trị thương hiệu TCT Cổ phần Sông Hồng	333.333.320	1.133.333.320
Lợi thế thương mại:		
Lợi thế lô đất Số 70 An Dương, Hà Nội	8.404.803.215	11.885.237.609
Lợi thế tại lô đất Chi nhánh Lào Cai	222.475.342	222.475.343
Tổng	9.091.750.891	13.485.335.662

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU B 09 - DN/TH

5.11 Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	PTVT, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
	<i>Đơn vị tính: VND</i>				
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2019	8.167.401.127	35.555.234.396	13.473.315.316	221.553.273	57.417.504.112
Tăng trong năm	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	1.754.396.952	-	1.754.396.952
Thanh lý, nhượng bán	-	-	1.754.396.952	-	1.754.396.952
Số dư tại 31/12/2019	8.167.401.127	35.555.234.396	11.718.918.364	221.553.273	55.663.107.160
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2019	5.937.281.583	32.790.942.455	11.359.487.086	221.553.273	50.309.264.397
Tăng trong năm	553.040.742	2.057.689.824	1.052.080.065	-	3.662.810.631
Khấu hao trong năm	553.040.742	2.057.689.824	1.052.080.065	-	3.662.810.631
Giảm trong năm	-	-	1.701.469.622	-	1.701.469.622
Thanh lý, nhượng bán	-	-	1.701.469.622	-	1.701.469.622
Số dư tại 31/12/2019	6.490.322.325	34.848.632.279	10.710.097.529	221.553.273	52.270.605.406
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư tại 01/01/2019	2.230.119.544	2.764.291.941	2.113.828.230	-	7.108.239.715
Số dư tại 31/12/2019	1.677.078.802	706.602.117	1.008.820.835	-	3.392.501.754

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 25.421.486.654 đồng

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG
 Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/TH

5.12 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (*)	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (*)
a) Đầu tư Công ty con	84.030.709.344	(84.030.709.344)	84.030.709.344	(84.030.709.344)
Công ty TNHH MTV Sông Hồng An Dương	30.000.000.000	(30.000.000.000)	30.000.000.000	(30.000.000.000)
Công ty TNHH MTV Cơ giới và XD Sông Hồng	26.590.013.503	(26.590.013.503)	26.590.013.503	(26.590.013.503)
Công ty CP Đầu tư Reenco Sông Hồng	8.340.937.290	(8.340.937.290)	16.681.874.581	(16.681.874.581)
Công ty CP XD dân dụng và Hạ tầng Sông Hồng	8.340.937.291	(8.340.937.291)	-	-
Công ty CP Sông Hồng Đà Nẵng	6.500.000.000	(6.500.000.000)	6.500.000.000	(6.500.000.000)
Công ty CP Sông Hồng Thăng Long	2.786.500.000	(2.786.500.000)	2.786.500.000	(2.786.500.000)
Công ty CP Tư vấn và Xây dựng Đô thị Sông Hồng	1.472.321.260	(1.472.321.260)	1.472.321.260	(1.472.321.260)
b) Đầu tư Công ty liên kết	191.916.364.580	(134.425.052.723)	191.916.364.580	(134.425.052.723)
Công ty CP Thép Sông Hồng	102.000.000.000	(102.000.000.000)	102.000.000.000	(102.000.000.000)
Công ty CP Sông Hồng 36	9.750.000.000	(9.750.000.000)	9.750.000.000	(9.750.000.000)
Công ty CP XNK và Xây dựng Sông Hồng	5.250.000.000	(5.250.000.000)	5.250.000.000	(5.250.000.000)
Công ty CP Sông Hồng Sài Gòn	5.022.404.482	(5.022.404.482)	5.022.404.482	(5.022.404.482)
Công ty CP Sông Hồng 8 (Metroco Sông Hồng)	4.000.000.000	(4.000.000.000)	4.000.000.000	(4.000.000.000)
Công ty CP Năng lượng Sông Hồng	36.498.220.000	(2.988.020.725)	36.498.220.000	(2.988.020.725)
Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh	2.200.000.000	(2.200.000.000)	2.200.000.000	(2.200.000.000)
Bất động sản Hà Nội Sông Hồng	1.696.000.000	(1.696.000.000)	1.696.000.000	(1.696.000.000)
Công ty Cổ phần Sông Hồng Bình Tây	6.000.000.000	(1.490.909.879)	6.000.000.000	(1.490.909.879)
Công ty CP Đầu tư Thương mại	364.681.268	(27.717.637)	364.681.268	(27.717.637)
và Xây dựng Công trình Giao thông Hà Nội	11.035.058.830	-	11.035.058.830	-
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Sông Hồng	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
Công ty CP Xây dựng Số 1 Sông Hồng	7.100.000.000	-	7.100.000.000	-
Công ty CP Sông Hồng Tây Đô				
Công ty CP Sông Hồng Miền Trung				

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/TH

5.12 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (Tiếp theo)

	31/12/2019		01/01/2019		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng VND
c) Đầu tư dài hạn khác	8.028.713.942	(2.700.000.000)	10.528.713.942	(1.700.000.000)	
Công ty CP Xây dựng Sông Hồng	1.038.110	-	1.038.110	-	-
Công ty CP Nhóm Sông Hồng	1.264.586.273	-	1.264.586.273	-	-
Công ty cổ phần công nghệ và xây dựng Sông Hồng	500.000.000	-	500.000.000	-	-
Công ty CP Đầu tư Địa ốc Sông Hồng	1.563.089.559	-	4.063.089.559	-	-
Công ty CP Sông Hồng Đại Phát	1.000.000.000	(1.000.000.000)	1.000.000.000	-	-
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sông Hồng 9	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-	-
Công ty CP TM và Xây lắp Sông Hồng (Công ty CP Sông Hồng 6)	1.700.000.000	(1.700.000.000)	1.700.000.000	(1.700.000.000)	
Tổng	283.975.787.866	(221.155.762.067)	286.475.787.866	(220.155.762.067)	

(*) Công ty con, Công ty liên kết là các công ty chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán và Chế độ kế toán, Chuẩn mực kế toán hiện tại chưa có hướng dẫn xác định giá trị hợp lý đối với các khoản đầu tư chưa niêm yết bằng các Phương pháp định giá. Giá trị hợp lý có thể khác với giá trị ghi sổ.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/TH

5.13 Phải trả người bán

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ	VND	trả nợ
Ngắn hạn	204.790.445.260	204.790.445.260	276.068.587.987	276.068.587.987
Công ty CP Xây dựng Đô thị Sông Hồng	42.027.229.051	42.027.229.051	53.632.329.162	53.632.329.162
Công ty CP Xây dựng số 1 Sông Hồng	19.913.332.099	19.913.332.099	25.074.712.444	25.074.712.444
Công ty CP Sông Hồng Tây Đô	18.041.860.622	18.041.860.622	18.041.860.622	18.041.860.622
Công ty CP Công Nghiệp Tàu Thủy Đông Bắc	28.493.447.615	28.493.447.615	28.493.447.615	28.493.447.615
Các đối tượng khác	96.314.575.873	96.314.575.873	150.826.238.144	150.826.238.144
Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 6.1)				
Tổng	204.790.445.260	204.790.445.260	276.068.587.987	276.068.587.987

5.14 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	32.091.660.530	46.199.514.985
Dự án biệt thự Tây Hồ	24.655.500.000	38.780.000.000
Các đối tượng khác	7.436.160.530	7.419.514.985
Trong đó: Người mua trả tiền trước là các bên liên quan (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 6.1)		
Tổng	32.091.660.530	46.199.514.985

5.15 Chi phí phải trả

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	628.959.907.163	573.995.204.332
Chi phí lãi vay phải trả	310.543.469.782	255.179.421.426
Trích trước giá vốn Bất động sản đầu tư	84.790.344.369	84.790.344.369
Trích trước giá vốn công trình xây lắp (iii)	233.626.093.012	234.025.438.537
Tổng	628.959.907.163	573.995.204.332

(iii): Chi phí trích trước giá vốn các công trình chưa quyết toán theo tỷ lệ giao thầu của Hợp đồng thầu phụ.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/TH

5.16 Phải trả, phải nộp khác

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
a) Ngắn hạn	50.290.242.453	50.059.729.841
Kinh phí công đoàn	423.955.368	441.100.226
Bảo hiểm xã hội;	284.117.773	394.028.271
Bảo hiểm y tế	176.689.998	204.015.348
Phải trả về cổ phần hóa	4.169.029.883	4.169.029.883
Bảo hiểm thất nghiệp	23.471.620	36.943.994
Các khoản phải trả, phải nộp khác:		
- Công ty Cổ phần Nhôm Sông Hồng	3.862.093.801	3.862.093.801
- Cổ tức phải trả cổ đông	22.919.286.000	22.919.286.000
- Khoản lỗ tại chi nhánh Miền Đông trước CP hóa chờ xử lý	9.578.124.594	9.578.124.594
- Các khoản phải trả khác	8.853.473.416	8.455.107.724
b) Dài hạn	258.445.643.308	260.455.643.308
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn để làm sổ đỏ biệt thự D3	200.000.000	210.000.000
Khoản thu tiền bán căn hộ nhà I1, I2, I3	227.573.438.212	227.573.438.212
Dự án Thái Hà chờ quyết toán		
Phải trả cá nhân góp vốn Công ty Cổ phần Xây dựng Số 1 Sông Hồng	174.205.096	174.205.096
Giá trị văn phòng được chia từ hợp đồng hợp tác đầu tư ghi nhận theo sổ tạm tính của Ban Quản lý Dự án Thái Hà	30.498.000.000	30.498.000.000
Phải trả phải nộp dài hạn khác	-	2.000.000.000
Tổng	308.735.885.761	310.515.373.149

5.17 Dự phòng phải trả

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Dài hạn	238.974.988.001	238.974.988.001
Công ty TNHH MTV Quản lý của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC)	238.974.988.001	238.974.988.001
Tổng	238.974.988.001	238.974.988.001

Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm số 45/2018/KDTM-PT ngày 12/04/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội và Quyết định số 01/QĐ-CCTHADS ngày 13/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội về việc tiếp tục thi hành Quyết định thi hành án số 492/QĐ-CCTHADS ngày 22/08/2018: Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng phải trả cho Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng (VAMC) số tiền 238.974.988.001 đồng và còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc (95,43 tỷ đồng) chưa thanh toán kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (19/06/2017).

Thông báo số 01/TB-TANDCC-KDTM ngày 02/01/2019 của Tòa án Nhân dân cấp cao tại Hà Nội v/v: Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng không có căn cứ kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm số 45/2018/KDTM-PT ngày 12/04/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/TH

5.18 Vay và Nợ thuê tài chính

	31/12/2019		Phát sinh trong năm		01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	195.275.563.313	195.275.563.313	56.000.000	-	195.219.563.313	195.219.563.313
Ngân hàng TMCP Đại Dương- Chi nhánh Hà Tĩnh (iv)	191.809.390.313	191.809.390.313	-	-	191.809.390.313	191.809.390.313
Vay cá nhân	3.466.173.000	3.466.173.000	56.000.000	-	3.410.173.000	3.410.173.000
Tổng	195.275.563.313	195.275.563.313	56.000.000	-	195.219.563.313	195.219.563.313

(iv): Khoản vay theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 0036/2011/HĐTD1 ngày 01 tháng 12 năm 2011 vay Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Hà Tĩnh với tổng hạn mức tín dụng là 200.000.000.000 VND. Dư nợ tín dụng tính đến thời điểm 31/12/2015 là 193.102.141.087 VND. Thời hạn cấp tín dụng là 12 tháng kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2011. Lãi suất theo quy định của OceanBank tại từng thời điểm giải ngân. Mục đích vay nhằm bổ sung vốn lưu động và cấp bảo lãnh cho bên B phục vụ thi công công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1. Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ, Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng chấp thuận đề Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Hà Tĩnh quản lý nguồn thu từ việc thực hiện thi công các hạng mục xây dựng thuộc hợp đồng EPC - Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1. Căn cứ theo phụ lục hợp đồng hạn mức tín dụng lần thứ 6 ngày 26/11/2014, khoản vay được gia hạn tới ngày 31/01/2016, lãi và gốc được trả một lần khi đáo hạn.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/TH

5.19 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	<i>Đơn vị tính: VND</i>							
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2018	270.000.000.000	24.126.376.429	-	26.293.456.226	25.981.000	5.941.310.206	(531.855.719.827)	(205.468.595.966)
Tăng trong năm	-	-	1.072.018.933	-	-	-	165.051.146	1.237.070.079
Tăng khác	-	-	1.072.018.933	-	-	-	165.051.146	1.237.070.079
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-	376.320.016.309	376.320.016.309
Lỗi trong năm	-	-	-	-	-	-	376.320.016.309	376.320.016.309
Số dư tại 31/12/2018	270.000.000.000	24.126.376.429	1.072.018.933	26.293.456.226	25.981.000	5.941.310.206	(908.010.684.990)	(580.551.542.196)
Số dư tại 01/01/2019	270.000.000.000	24.126.376.429	1.072.018.933	26.293.456.226	25.981.000	5.941.310.206	(908.010.684.990)	(580.551.542.196)
Tăng trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-	65.093.481.024	65.093.481.024
Lỗi trong năm	-	-	-	-	-	-	64.887.583.423	64.887.583.423
Nhận bàn giao từ Ban NXB	-	-	-	-	-	-	205.897.601	205.897.601
Số dư tại 31/12/2019	270.000.000.000	24.126.376.429	1.072.018.933	26.293.456.226	25.981.000	5.941.310.206	(973.104.166.014)	(645.645.023.220)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Vốn góp của Nhà nước	132.412.000.000	132.412.000.000
Cổ đông khác	137.588.000.000	137.588.000.000
Tổng	270.000.000.000	270.000.000.000

191
TY
H
ÁN
INA

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/TH

5.19 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	270.000.000.000	270.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	65.219.780.000
Vốn góp giảm trong năm	-	65.219.780.000
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	270.000.000.000	270.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Quỹ đầu tư phát triển	26.293.456.226	26.293.456.226
Quỹ hỗ trợ, sắp xếp doanh nghiệp	25.981.000	25.981.000
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	5.941.310.206	5.941.310.206
Tổng	32.260.747.432	32.260.747.432

5.20 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.333.060.346	86.576.422.314
Doanh thu bán hàng hóa	14.124.500.000	42.560.791.429
Doanh thu hợp đồng xây dựng	9.491.639.081	15.955.890.853
Tổng	29.949.199.427	145.093.104.596

5.21 Giá vốn hàng bán và dịch vụ đã cung cấp

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	3.349.130.020	56.257.899.457
Giá vốn hàng bán	14.442.929.730	41.882.615.111
Giá vốn hợp đồng xây dựng	9.790.997.223	18.744.949.372
Tổng	27.583.056.973	116.885.463.940

TÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/TH

5.22 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	146.374.712	111.108.197
Lãi bán đấu giá cổ phần	-	2.505.979.427
Lãi trả chậm	-	31.063.977.313
Cổ tức được chia	1.459.928.800	-
Tổng	1.606.303.512	33.681.064.937

5.23 Chi phí tài chính

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền vay	55.364.048.356	132.251.125.135
Dự phòng đầu tư dài hạn	1.000.000.000	-
Chi phí hoạt động tài chính khác	25.000.000	-
Tổng	56.389.048.356	132.251.125.135

5.24 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp	11.197.758.213	312.861.331.735
Chi phí nhân viên quản lý	7.875.338.987	10.002.408.292
Chi phí vật liệu quản lý	72.067.510	120.515.171
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.219.560.547	4.447.414.138
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.662.810.631	2.646.126.612
Thuế, phí và lệ phí	213.418.745	175.416.737
Chi phí dự phòng	(3.391.833.286)	292.748.365.526
Chi phí dịch vụ mua ngoài	886.465.379	1.389.128.042
Chi phí bằng tiền khác	659.929.700	1.331.957.217

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/TH

5.25 Lợi nhuận khác

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Thu nhập khác		
Tiền cho thuê mặt bằng, văn phòng	306.679.522	2.366.560.068
Công nợ được xóa	1.755.794.545	-
Thu nhập từ thanh lý TSCĐ	584.890.852	260.481.818
Chuyển nhượng dự án	-	25.000.000.000
Thu nhập khác	292.740.702	7.195.313.237
Tổng	2.940.105.621	34.822.355.123
Chi phí khác		
Chi phí phạt chậm nộp BHXH, phạt VPHC về lĩnh vực thuế	7.617.941	2.118.346
Chi phí quản lý, vận hành chung cư	-	1.104.067.842
Chuyển nhượng dự án	-	24.253.233.125
Khấu hao Tài sản cố định cho thuê	-	2.195.950.269
Chi phí khác	4.205.710.500	363.250.573
Tổng	4.213.328.441	27.918.620.155
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	(1.273.222.820)	6.903.734.968

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan****a. Giao dịch với các nhân sự chủ chốt và cổ đông**

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	Lương, Thù lao	1.351.957.360	1.035.495.310

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/TH

b. Số dư với các bên liên quan

Các khoản phải trả	Tính chất giao dịch	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
a) Công ty con			
Công ty CP Đầu tư Reenco Sông Hồng	Phải trả người bán	1.180.761.944	1.180.761.944
Công ty CP Tư vấn và XD Đô thị Sông Hồng	Phải trả người bán	40.297.000	40.297.000
b) Công ty liên doanh liên kết			
Công ty CP Sông Hồng 36	Phải trả người bán	75.267.249	75.267.249
Công ty CP Sông Hồng Sài Gòn	Phải trả người bán	1.275.927.812	1.275.927.812
Công ty CP Sông Hồng 8 (Metroco Sông Hồng)	Phải trả người bán	1.602.678.799	2.802.678.799
Công ty CP Đầu tư & KD BĐS Hà Nội Sông Hồng	Phải trả người bán	2.528.899.709	2.528.899.709
Công ty CP ĐTTM&XDCT Giao thông Hà Nội	Phải trả người bán	2.330.952.761	597.513.523
Công ty CP Xây dựng Đô thị Sông Hồng	Phải trả người bán	42.027.229.051	53.632.329.162
Công ty CP Xây dựng Số 1 Sông Hồng	Phải trả người bán	21.795.145.785	25.074.712.444
Công ty CP Sông Hồng Tây Đô	Phải trả người bán	18.041.860.622	18.041.860.622
Công ty CP Sông Hồng Miền Trung	Phải trả người bán	6.644.357.996	6.644.357.996
c) Đầu tư dài hạn khác			
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sông Hồng 9	Phải trả người bán	338.941.257	338.941.257
Công ty CP Công nghệ và Truyền thông Sông Hồng	Phải trả người bán	12.264.120.374	-
		31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Các khoản phải trả			
Tính chất giao dịch			
a) Công ty con			
Công ty TNHH MTV Cơ giới và XD Sông Hồng	Người mua trả tiền trước	2.344.100.658	2.344.100.658
Công ty CP Đầu tư Reenco Sông Hồng	Người mua trả tiền trước	465.894.516	465.894.516
Công ty CP Tư vấn và XD Đô thị Sông Hồng	Người mua trả tiền trước	2.495.748.102	2.495.748.102
b) Công ty liên doanh liên kết			
Công ty CP Đầu tư & KD BĐS Hà Nội Sông Hồng	Người mua trả tiền trước	15.750.000	15.750.000
c) Đầu tư dài hạn khác			
Công ty CP Công nghệ và Truyền thông Sông Hồng	Người mua trả tiền trước	28.741.244	28.741.244

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/TH

Các khoản phải trả	Tính chất giao dịch	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
a) Công ty con			
Công ty TNHH MTV Sông Hồng An Dương	Phải trả khác	183.729.793	1.816.402
Công ty CP Đầu tư Reenco Sông Hồng	Phải trả khác	30.057.244	30.000.000
Công ty CP Sông Hồng Thăng Long	Phải trả khác	7.070.752	6.920.644
Công ty CP Tư vấn và XD Đô thị Sông Hồng	Phải trả khác	547.709	547.709
b) Công ty liên doanh liên kết			
Công ty CP XNK và Xây dựng Sông Hồng	Phải trả khác	564.011.674	564.011.674
Công ty CP Sông Hồng Sài Gòn	Phải trả khác	9.578.124.594	9.578.124.594
Công ty CP Năng lượng Sông Hồng	Phải trả khác	1.459.928.800	-
Công ty CP Đầu tư & KD BĐS Hà Nội Sông Hồng	Phải trả khác	85.370.000	85.370.000
Công ty CP ĐTTM&XDCT Giao thông Hà Nội	Phải trả khác	37.269.382	20.739.000
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Sông Hồng	Phải trả khác	18.083.013	18.083.013
Công ty CP Xây dựng Số 1 Sông Hồng	Phải trả khác	4.125.000.000	2.000.000.000
c) Đầu tư dài hạn khác			
Công ty CP Nhôm Sông Hồng	Phải trả khác	3.862.093.801	3.862.093.801
Công ty CP Công nghệ và Truyền thông Sông Hồng	Phải trả khác	28.189.091	-
Các khoản phải thu			
Các khoản phải thu	Tính chất giao dịch	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
a) Công ty con			
Công ty TNHH MTV Sông Hồng An Dương	Phải thu khách hàng	72.655.152	7.594.011.252
Công ty CP Sông Hồng Đà Nẵng	Phải thu khách hàng	8.601.928.561	8.601.928.561
b) Công ty liên doanh liên kết			
Công ty CP Thép Sông Hồng	Phải thu khách hàng	3.897.962.892	3.897.962.892
Công ty CP Sông Hồng 36	Phải thu khách hàng	13.505.443.049	13.505.443.049
Công ty CP XNK và Xây dựng Sông Hồng	Phải thu khách hàng	205.990.037	205.990.037
Công ty CP Năng lượng Sông Hồng	Phải thu khách hàng	13.776.454	13.776.454
Công ty Cổ phần Sông Hồng Bình Tây	Phải thu khách hàng	73.870.335	573.870.335
Công ty CP Xây dựng Số 1 Sông Hồng	Phải thu khách hàng	3.191.001.774	3.191.001.774
Công ty CP Sông Hồng Miền Trung	Phải thu khách hàng	557.364.685	557.364.685

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/TH

Các khoản phải thu	Tính chất giao dịch	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
a) Công ty con			
Công ty TNHH MTV Sông Hồng An Dương	Trả trước người bán	6.843.008.120	6.843.008.120
Công ty TNHH MTV Cơ giới và XD Sông Hồng	Trả trước người bán	30.000.000	30.000.000
Công ty CP Sông Hồng Đà Nẵng	Trả trước người bán	43.574.509.655	43.574.509.655
Công ty CP Sông Hồng Thăng Long	Trả trước người bán	20.705.176.191	19.132.576.433
Công ty CP Tư vấn và XD Đô thị Sông Hồng	Trả trước người bán	1.864.500.000	347.500.000
b) Công ty liên doanh liên kết			
Công ty CP Thép Sông Hồng	Trả trước người bán	2.800.000.000	2.800.000.000
Công ty CP Sông Hồng 36	Trả trước người bán	7.100.654.421	7.100.654.421
Công ty CP XNK và Xây dựng Sông Hồng	Trả trước người bán	6.000.000.000	6.000.000.000
Công ty CP ĐTTM&XDCT Giao thông Hà Nội	Trả trước người bán	1.373.400.000	1.373.400.000
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Sông Hồng	Trả trước người bán	1.000.000.000	-
c) Đầu tư dài hạn khác			
Công ty CP TM và Xây lắp Sông Hồng (Công ty CP Sông Hồng 6)	Trả trước người bán	459.622.441	459.622.441
		31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Các khoản phải thu			
Tính chất giao dịch			
a) Công ty con			
Công ty TNHH MTV Sông Hồng An Dương	Phải thu khác	181.913.391	181.913.391
Công ty TNHH MTV Cơ giới và XD Sông Hồng	Phải thu khác	20.545	-
Công ty CP Đầu tư Reenco Sông Hồng	Phải thu khác	1.838.094.178	1.838.094.178
Công ty CP Sông Hồng Đà Nẵng	Phải thu khác	307.287.081	307.287.081
Công ty CP Sông Hồng Thăng Long	Phải thu khác	19.746.721.732	19.728.917.598
Công ty CP Tư vấn và XD Đô thị Sông Hồng	Phải thu khác	75.086.560	75.086.560
b) Công ty liên doanh liên kết			
Công ty CP Sông Hồng 36	Phải thu khác	26.527.320.279	26.527.320.279
Công ty CP XNK và Xây dựng Sông Hồng	Phải thu khác	1.929.686.382	1.929.686.382
Công ty CP Sông Hồng Sài Gòn	Phải thu khác	8.792.920.720	8.747.653.581
Công ty CP Đầu tư & KD BĐS Hà Nội Sông Hồng	Phải thu khác	3.320.000.000	3.320.000.000
Công ty CP ĐTTM&XDCT Giao thông Hà Nội	Phải thu khác	409.963.201	182.503.200
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Sông Hồng	Phải thu khác	874.539.347	874.539.347
Công ty CP Xây dựng Số 1 Sông Hồng	Phải thu khác	59.951.900	59.951.900
c) Đầu tư dài hạn khác			
Công ty CP TM và Xây lắp Sông Hồng (Công ty CP Sông Hồng 6)	Phải thu khác	12.600.000	12.600.000

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/TH

c. Giao dịch với các bên liên quan

Mua hàng	Tính chất giao dịch	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Công ty con			
Công ty Cổ phần Xây dựng Đô thị Sông Hồng	Thuê thi công	4.444.726.364	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Reenco Sông Hồng	Thuê thi công	-	2.155.756.760
Công ty liên doanh liên kết			
Công ty CP Xây dựng số 1 Sông Hồng	Thuê thi công	5.346.270.859	-

Bán hàng	Tính chất giao dịch	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Công ty con			
Công ty CP Sông Hồng Thăng Long	Bán hàng, dịch vụ	-	269.100.250
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sông Lô	Bán hàng, dịch vụ	17.817.273	-
Công ty CP Xây dựng Đô thị Sông Hồng	Bán hàng, dịch vụ	341.236.364	359.330.745
Công ty CP Đầu tư Reenco Sông Hồng	Bán hàng, dịch vụ	-	150.780.000
Công ty CP Tư vấn và XD Đô thị Sông Hồng	Bán hàng, dịch vụ	-	4.006.891
Công ty TNHH MTV Cơ giới và XD Sông Hồng	Bán hàng, dịch vụ	-	30.000.000
Công ty liên doanh liên kết			
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Sông Hồng		-	194.183.880
Công ty CP đầu tư XD Hà Nội Sông Hồng	Bán hàng, dịch vụ	57.381.818	-

6.2 Thông tin khác

- (i) Dự án Xây dựng nhà ở cao tầng I1, I2, I3 và văn phòng cho thuê Thành Công 2 - Thái Hà được thực hiện theo hợp đồng kinh tế số 07/HĐKT-2008 ngày 03/04/2008 giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Sông Hồng. Tính đến thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Dự án đã hoàn thành, đưa vào sử dụng và đang ghi nhận khoản lợi nhuận tạm tính thu được từ dự án là 103,92 tỷ đồng trên chỉ tiêu Phải thu dài hạn khác tuy nhiên Dự án này chưa được quyết toán với bên hợp tác đầu tư. Ngày 03/05/2018, Nghị quyết số 29/NQ-HĐQT về việc: Quyết toán diện tích phân chia thực tế Dự án và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng khoản lợi nhuận ước tính trên là tương đối chính xác và chắc chắn thu được và theo đó các khoản điều chỉnh liên quan đến Dự án này sẽ chỉ được thực hiện khi có quyết toán cuối cùng với bên hợp tác đầu tư.
- (ii) Ngày 24/01/2017, Bộ Xây dựng đã có công văn số 153/BXD-QLDN về việc thoái vốn tại 8 công ty có vốn góp của Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng, bao gồm: CTCP Sông Hồng Miền Trung, CTCP Bất động sản Hà Nội Sông Hồng, CTCP Đầu tư Thương mại và Xây dựng CTGT Hà Nội (trước đây là CTCP Sông Hồng 10), CTCP Đầu tư và Xây dựng Sông Lô, CTCP Đầu tư địa ốc Sông Hồng, CTCP Năng lượng Sông Hồng, CTCP Công nghệ và Truyền thông Sông Hồng, CTCP Nhôm Sông Hồng. Đến hết tháng 06 năm 2018, Tổng Công ty đã bán đấu giá thành công số cổ phần thoái vốn tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Lô

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU B 09 - DN/TH

Quyết định số 1232/QĐ-TTg ngày 17/08/2017 của Thủ tướng Chính phủ và Thông báo số 221/TB-BXD ngày 06/06/2018 của Bộ Xây dựng về việc thực hiện chủ trương của Bộ Xây dựng trong việc thoái vốn Nhà nước của Tổng Công ty Sông Hồng về mức 36% hoặc Bộ Xây dựng phải bán hết vốn Nhà nước vào năm 2018, tuy nhiên đến thời điểm phát hành báo cáo này, việc thoái vốn Nhà nước chưa hoàn thành. Ngày 05/03/2020 Bộ Kế hoạch đầu tư đã có Văn bản số 1418/BKHĐT-PTDN gửi Thủ tướng Chính Phủ về việc hoàn thiện dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1232/QĐ-TTg, theo đó dự thảo thực hiện thoái vốn Nhà nước toàn bộ tại Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng đến hết 30/09/2020, nếu không hoàn thành thoái vốn thì chuyển giao về SCIC trước ngày 31/12/2020.

- (iii) Theo Hợp đồng số 280909/LILAMA-SHC ngày 28/09/2009 giữa Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng và Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam (LILAMA), giá trị hợp đồng thi công của Tổng Công ty cho hạng mục của Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng I là 1.315,8 tỷ đồng được giao toàn bộ cho Ban điều hành Dự án Xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 quản lý và thực hiện. Theo Nghị quyết số 686/NQ-DKVN ngày 27/01/2014, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) đã chấp thuận chi phí phát sinh chưa lường hết của toàn bộ công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 khoảng 1.090 tỷ đồng. Đồng thời, ngày 14/03/2016, PVN đã có văn bản số 1429/QĐ-DKVN về việc phê duyệt Tổng mức đầu tư điều chỉnh lần 2 Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 là 33.576,29 tỷ đồng. Theo đó, giá trị dự toán, sau thẩm tra/thẩm định đối với hạng mục xây dựng do Tổng Công ty thực hiện tăng khoảng 213,8 tỷ đồng so với hợp đồng đã ký. Đơn vị Tổng thầu đã đề nghị PVN xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án này. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, PVN đã chấp thuận điều chỉnh tổng mức đầu tư của dự án bao gồm giá trị phát sinh chưa lường hết của Dự án. Tổng Công ty đang trong quá trình làm việc để thống nhất khối lượng mà Tổng Công ty đã thực hiện với đơn vị Tổng thầu.

6.3 Cam kết về đầu tư khác

- (i) Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 965/HTĐT/2014 ngày 18/07/2014 giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Sông Hồng Thăng Long về việc đầu tư Dự án Khu nhà ở Sông Hồng - Việt Trì 1 + 2 với tổng mức đầu tư là 95 tỷ đồng. Tổng Công ty sẽ thực hiện góp vốn 40% (trong đó bao gồm vốn góp từ khoản phải thu từ Công ty Cổ phần Sông Hồng Thăng Long) và đại diện cho hai bên tham gia góp vốn kinh doanh thực hiện dự án. Theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 01/2017/BBH-HĐQT ngày 08/03/2017 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 04/2017/NQ-HĐQT ngày 10/03/2017, Công ty Cổ phần Sông Hồng Thăng Long đã quyết định dừng hợp tác đầu tư dự án trên với Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng do gặp khó khăn về tài chính, hồ sơ pháp lý khu đất không đầy đủ do thế chấp ngân hàng. Tính đến thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Dự án chưa hoàn tất thủ tục pháp lý để triển khai.
- (ii) Theo biên bản làm việc ngày 10/03/2014 giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Sông Hồng 6 đã thống nhất chủ trương thực hiện triển khai Dự án tại khu đất Ngõ 49 đường Hùng Vương, phường Hội Hợp, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc do Công ty Cổ phần Sông Hồng 6 quản lý. Tổng Công ty sẽ thực hiện góp vốn 40% (trong đó bao gồm vốn góp từ khoản phải thu từ Công ty Cổ phần Sông Hồng 6) và đại diện cho hai bên tham gia góp vốn kinh doanh thực hiện dự án. Theo Công văn số 74/CV-SH6 ngày 20/12/2016 Công ty Cổ phần Sông Hồng số 6 đã đề nghị chấm dứt việc hợp tác đầu tư dự án tại khu đất của Công ty Cổ phần Sông Hồng số 6 tại TP Vĩnh Yên – Vĩnh Phúc do gặp khó khăn về tài chính. Tính đến thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Dự án chưa hoàn tất thủ tục pháp lý để triển khai.
- (iii) Liên danh Hợp tác đầu tư số 01/2018/HTĐT/SH-VMG ngày 22/03/2018 giữa Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng (Bên A) và Công ty Cổ phần Tập đoàn Dược phẩm Vimedimex (Bên B) về việc thỏa thuận cùng góp thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng nhà ở cho cán bộ của Nhà xuất bản chính trị Quốc gia. Tỷ lệ Bên A và Bên B tham gia góp vốn là 10% và 90%. Bên A đồng ý chuyển nhượng phần vốn đầu tư ban đầu của Bên A là 25 tỷ đồng. Sau ngày Bên B thanh toán cho Bên A, và khi Bên A chưa thực hiện nghĩa vụ góp vốn theo Hợp đồng liên danh, thì Bên B được coi là bên góp vốn duy nhất vào dự án và được hưởng toàn bộ các quyền, lợi ích phát sinh từ dự án.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/TH

6.4 Nợ phải trả và Nợ tiềm tàng liên quan đến các khoản bảo lãnh

Tại thời điểm 31/12/2019, Tổng Công ty có các khoản nợ phải trả và nợ tiềm tàng liên quan đến các khoản bảo lãnh cho các khoản vay Ngân hàng như sau:

- (i) Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 02/2019/KDTM-ST và số 03/2019/KDTM-ST ngày 19/3/2019 về việc Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm vụ án kinh doanh thương mại về việc tranh chấp văn bản bảo lãnh giữa Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam chi nhánh Hoàn Kiếm và Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng. Tòa án Nhân dân quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội kết luận Tổng Công ty Sông Hồng không có nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty TNHH MTV Cơ giới và Xây dựng Sông Hồng và Công ty TNHH MTV Sông Hồng An Dương với tổng số tiền là 85,5 tỷ đồng (nợ gốc 67,58 tỷ đồng; nợ lãi quá hạn tạm tính là 17,919 tỷ đồng). Đến thời điểm phát hành báo cáo này, chúng tôi chưa thu thập được các hồ sơ liên quan đến việc Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam chi nhánh Hoàn Kiếm thực hiện kháng cáo các bản án trên.
- (ii) Theo Bản án số 45/2018/KDTM-PT ngày 12/04/2018 về việc Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm vụ án kinh doanh thương mại về việc tranh chấp Hợp đồng bảo lãnh giữa Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC) và Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng. Tòa án Nhân dân thành phố Hà Nội kết luận Tổng Công ty Sông Hồng phải có nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty Thép Sông Hồng số tiền là 238.974.988.001 đồng, trong đó nợ gốc 95.438.288.472 đồng, nợ lãi trong hạn và nợ lãi quá hạn 143.536.699.529 đồng.

6.5 Thông tin về hoạt động liên tục

Tại ngày 31/12/2019, Lũy kế của Tổng Công ty là 973,1 tỷ đồng, âm vốn chủ sở hữu là 645,64 tỷ đồng. Nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn 612,14 tỷ đồng, lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh âm 3,69 tỷ đồng. Nợ xấu tín dụng nên Tổng Công ty không đủ điều kiện về năng lực để tham gia các gói thầu nhằm tạo việc làm và nguồn tài chính cho Công ty mẹ và các Công ty thành viên. Doanh thu và sản lượng chủ yếu của các công trình chuyển tiếp dở dang từ các năm trước chuyển sang có hiệu quả thấp, lãi vay lớn. Công ty mẹ và tổ hợp các Công ty thành viên vẫn tiếp tục mất khả năng thanh toán nghiêm trọng do nợ phải trả tiếp tục tăng từ phát sinh lãi vay phải trả cho công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng I, nợ phải trả liên quan đến các Nghĩa vụ bảo lãnh cho các Công ty con. Những điều kiện trên cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Ban Tổng Giám đốc công ty đánh giá Tổng Công ty sẽ tiếp tục duy trì hoạt động trong ít nhất 12 tháng tới bằng việc thu hồi các khoản công nợ, kinh doanh cho thuê mặt bằng và sự hỗ trợ nguồn vốn từ các cổ đông. Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty vẫn được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

6.6 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Tổng Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Global Network.

Hà Nội, ngày 16 tháng 04 năm 2020

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Khánh Hậu

Nguyễn Thị Nhung

Lê Tuấn Hưng